

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH
Bản án số: 148/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2026
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nhật Bình;
- Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thượng Thị Tuyết S**, sinh năm: 1996; CCCD số: 072196007433; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã N, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Hẻm G, đường N, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Đào Văn Đ**, sinh năm: 1988; CCCD số: 089088014678; địa chỉ: Hẻm G, đường N, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-02-2026 và lời khai tại Tòa án của nguyên đơn, chị **Thượng Thị Tuyết S** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau, năm 2013 chị và anh **Đào Văn Đ** tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn

UBND xã P, huyện P, tỉnh An Giang vào năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ sống riêng. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không chăm lo làm ăn, cò bạc, nên vợ chồng gây gổ cãi vã nhau, có lần anh Đ đánh chị một bực tay, anh Đ thường xuyên đuổi vợ con ra ngoài nhưng do thương con nhỏ nên chịu đựng chung sống với anh Đ cho đến nay. Nhưng nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng hơn không thể chung sống được với nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 03 người con tên Đào Thị Quế A, sinh năm 2015, Đào Văn T, sinh năm 2017 và Đào Văn T1, sinh năm 2023, hiện các cháu đang sống với chị và anh Đ, chị yêu cầu nuôi các con, nhưng do cháu T có nguyện vọng sống với cha nên chị đồng ý giao cháu T cho anh Đ nuôi, chị yêu cầu nuôi cháu Đào Thị Quế A và cháu Đào Văn T1, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không cung cấp bản trình bày ý kiến và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của chị Thượng Thị Tuyết S, về hôn nhân: Chị Thượng Thị Tuyết S được ly hôn với anh Đào Văn Đ; về con chung: Giao cháu Đào Thị Quế A, sinh năm 2015 và cháu Đào Văn T1, sinh năm 2023 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và giao cháu Đào Văn T, sinh năm 2017 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Thượng Thị Tuyết S khởi kiện xin ly hôn với anh Đào Văn Đ; về con chung: chị S yêu cầu được nuôi Đào Thị Quế A, sinh năm 2015 và cháu Đào Văn T1, sinh năm 2023, đồng ý giao cháu Đào Văn T, sinh năm 2017 cho anh Đ nuôi; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn, anh Đào Văn Đ có nơi cư trú tại khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, chị Thượng Thị Tuyết S vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Bị đơn, anh Đào Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hai lần để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thượng Thị Tuyết S và anh Đào Văn Đ tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh An Giang) vào ngày 31-7-2017, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị S trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không chăm lo làm ăn, cờ bạc, nên vợ chồng gây gổ cãi vã nhau, có lần anh Đ đánh và thường xuyên đuổi vợ con ra khỏi nhà nhưng do thương con còn nhỏ nên chị chịu đựng chung sống với anh Đ cho đến nay; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng hơn không thể chung sống được với nhau nữa,

tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn được. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị S và anh Đ có ba người con chung tên Đào Thị Quế A, sinh năm 2015, Đào Văn T, sinh năm 2017 và Đào Văn T1, sinh năm 2023. Hiện các cháu đang sống với chị S và anh Đ. Cháu Quế A và cháu T đang trong thời kỳ phát triển tâm, sinh lý và thuộc trường hợp cần phải xem xét nguyện vọng cháu muốn sống với cha hay sống với mẹ. Cháu Quế A có nguyện vọng được sống cùng với chị S, cháu T có nguyện vọng sống với anh Đ. Anh Đ không có ý kiến về việc tranh chấp nuôi con chung. Do đó, cần giao cháu Quế A và cháu T1 cho chị S trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên tự lao động sinh sống được và giao cháu T cho anh Đ trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên tự lao động sinh sống được là phù hợp với nguyện vọng của cháu Quế A và cháu T phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, chị S và anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Thượng Thị Tuyết S trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Thượng Thị Tuyết S trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị S.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị Thượng Thị Tuyết S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003101 ngày 10-02-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị S đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thượng Thị Tuyết S đối với anh Đào Văn Đ về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thượng Thị Tuyết S được ly hôn với anh Đào Văn Đ.

1.2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Đào Thị Quế A, sinh năm 2015 và cháu Đào Văn T1, sinh năm 2023 cho chị Thượng Thị Tuyết S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Giao cháu Đào Văn T, sinh năm 2017 cho anh Đào Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Sau khi ly hôn chị Thượng Thị Tuyết S và anh Đào Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Thượng Thị Tuyết S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003101 ngày 10-02-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị Thượng Thị Tuyết S đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
 - VKSND tỉnh TN;
 - VKSND KV 10 TN;
 - THADS tỉnh TN;
 - UBND xã P;
 - Đương sự;
 - Lưu hồ sơ.
- (03.D01.149.10.1034694)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Ngô Thị Cẩm Loan